TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 28/9/2017
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2017/TLST - HNGĐ ngày 20/7/2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2017/QĐXX- ST ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đức D

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị L

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/7/2017 và bản tự khai ngày 15/8/2017 của nguyên đơn Trần Đức D trình bày giữa anh và chị Bùi Thị L đã đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc thương yêu nhau để xây dựng gia đình và đã có với nhau một người con chung. Thời gian chung sống sau đó hai vợ

chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, anh và chị L đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh D làm đơn ly hôn xin toà án giải quyết việc ly hôn cho anh.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 đứa con chung là cháu Trần Bùi Nhân S – sinh ngày 02/6/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh D là mong muốn được nuôi dưỡng cháu S.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập chị L nhiều lần nhưng chị L không đến Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được chị L hiện không có mặt tại địa phương, khi đi chị L không cắt tạm trú, tạm vắng và cũng không khai báo lại địa chỉ cụ thể nơi chị L sinh sống cho chính quyền địa phương. Việc chị L không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án, cố tình giấu địa chỉ, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 29/8/2017, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh D và chị L. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị L vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Trần Đức D và chị Bùi Thị L đã đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của anh D xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Khoản 1, Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Đức D được ly hôn với chị chị Bùi Thị L.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Bùi Nhân S – sinh ngày 02/6/2012. Xử buộc chị Bùi Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu S tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên miễn xét.

Án phí: Anh Trần Đức D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000239 ngày 20/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh D đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức D được ly hôn với chị chị Bùi Thị L

2. Về con chung: Xử giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Bùi Nhân S – sinh ngày 02/6/2012. Xử buộc chị Bùi Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu S tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 9/2017. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trần Đức D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000239 ngày 20/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh D đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2017), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Đinh Lâm Xướng